

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ ĐẢM BẢO YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PGS.TS. NGUYỄN VĂN ĐỘNG *

1. Phát triển bền vững đang là xu thế phát triển tất yếu của các quốc gia trên thế giới nói chung, của Việt Nam nói riêng mà bản chất, nội dung chủ yếu của nó là kết hợp hài hoà, thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường. Sự bất cập trong phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường dẫn đến phá vỡ tính thống nhất hài hoà giữa ba thành tố tạo nên khái niệm "phát triển bền vững" đó đã đẩy không ít nước đứng trước bờ vực thẳm. Ở nhiều nước, nhất là các nước phát triển và đang phát triển, mặc dù tốc độ phát triển kinh tế của họ rất nhanh mà người ta gọi đó là "nền kinh tế nóng" nhưng họ đang phải gánh chịu nhiều hậu quả tai hại do chính họ gây nên như bất công bằng xã hội, nghèo đói, bệnh tật, tệ nạn xã hội, gia tăng dân số, ô nhiễm môi trường, hiệu ứng nhà kính, tài nguyên kiệt quệ và suy thoái, lũ lụt, hạn hán... Chẳng hạn, Trung Quốc là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới, Mỹ là nước có nền kinh tế hùng mạnh nhất thế giới nhưng cả hai nước này đang phải đối mặt với nhiều thách thức về xã hội và có lượng khí thải gây ô nhiễm môi trường và gây hiệu ứng nhà kính nhiều nhất thế giới. Theo Báo cáo phát triển thế giới năm 2005 của Ngân hàng thế giới (World Bank - WB): Năm 2004, Trung Quốc có tốc độ tăng GDP là 8,5% so với năm 2000 nhưng

thu nhập quốc dân bình quân đầu người tính theo ngang giá sức mua thấp, mới chỉ là 5.530 USD;⁽¹⁾ năm 2003 có số nợ nước ngoài nhiều nhất châu Á (193,6 tỉ USD);⁽²⁾ có chỉ số phát triển giáo dục (EDI - chỉ số được tổng hợp trên cơ sở các chỉ tiêu tỉ lệ phổ cập giáo dục tiểu học, tỉ lệ biết chữ từ 15 tuổi trở lên, mức cân bằng về giới trong giáo dục, chất lượng giáo dục) là 0.930, xếp thứ 54 trong 127 nước (Báo cáo giám sát giáo dục toàn cầu năm 2005 của UNESCO);⁽³⁾ so với các nước trong khu vực, có tỉ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi năm 2002 đạt khá cao - 38%, đứng thứ 2 sau Indonesia và so với các nước trong khu vực, có chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2001 đạt thấp 0,721 điểm, đứng thứ 104 trong 177 nước trên thế giới.⁽⁴⁾

Về ô nhiễm môi trường trên thế giới, mới đây (tháng 12/2007), Liên hợp quốc đã tổ chức Hội nghị quốc tế về biến đổi khí hậu ở Bali (Indonesia). Báo cáo của Liên hợp quốc tại Hội nghị đã khẳng định rằng nguyên nhân của biến đổi khí hậu 90% do con người (mà chủ yếu là nạn phá rừng bừa bãi và phát triển công nghiệp tràn lan), 10% do tự nhiên. Liên hợp quốc cũng công bố 10 nước thải khí CO2 nhiều nhất vào bầu khí quyển làm phá vỡ tầng ôzôn gây hiệu ứng nhà kính, trái đất nóng lên và băng tan ở Bắc cực, trong đó nổi

* Giảng viên chính Khoa hành chính - nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội

bật nhất là Mĩ (gần 2,8 tỉ tấn/năm), Trung Quốc (2,7 tỉ tấn/năm), Nga (661 triệu tấn/năm), Ấn Độ (583 triệu tấn/năm), Nhật Bản (400 triệu tấn/năm)... Ngoài những thảm hoạ trên, còn khoảng 20 - 30% các loài động thực vật sẽ bị diệt chủng, nhiều cuộc tranh chấp về tài nguyên thiên nhiên sẽ nổ ra, mùa màng thất bát, 500 triệu người sẽ buộc phải rời bỏ quê hương, bán quán để di cư đến những vùng ít bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu...⁽⁵⁾

Có nhiều nguyên nhân của tình trạng trên nhưng một trong những nguyên nhân chủ yếu nhất là nhiều nước trên thế giới, khi hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật phát triển kinh tế - xã hội đã không hoặc rất ít tính tới giải pháp bảo đảm kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Cụ thể là họ không (hay rất ít) lồng ghép yếu tố phát triển bền vững trong nội dung các chương trình, kế hoạch, chính sách, pháp luật phát triển kinh tế - xã hội. Cũng có một vài nước, khi xây dựng chính sách, pháp luật cũng có đề cập yếu tố "phát triển bền vững" này nhưng không thực hiện đến nơi, đến chốn, không kiểm tra, giám sát và đặc biệt là không có những biện pháp đủ mạnh để xử lý các trường hợp phá hoại môi trường thiên nhiên ảnh hưởng cuộc sống của con người.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng ta đã dự báo rằng trong những năm sắp tới "nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết: khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; sự gia tăng dân số cùng với các luồng di cư; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị hủy hoại; khí hậu diễn biến ngày

càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các dịch bệnh lớn, các tội phạm xuyên quốc gia có chiều hướng tăng".⁽⁶⁾ Bức tranh toàn cảnh của thế giới về phát triển bền vững và dự báo của Đảng ta về tình hình thế giới xét từ góc độ phát triển bền vững trong những năm tới như trên đã và đang tác động mạnh mẽ tới mọi lĩnh vực hoạt động ở nước ta, trong đó có hoạt động khoa học pháp lí.

2. Ở nước ta hiện nay, việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phát triển bền vững còn nhiều bất cập. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã xác định: "*Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ xã hội, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*".⁽⁷⁾ Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX tiếp tục nhấn mạnh: "*Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người*";⁽⁸⁾ Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 chỉ rõ: "*Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn... Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển*";⁽⁹⁾ "*coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội*".⁽¹⁰⁾ Trên cơ sở Hiến pháp năm 1992, Quốc hội đã ban hành nhiều đạo luật, bộ luật về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, trong đó có Luật bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005. Đặc biệt,

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg về định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam), trong đó nêu mục tiêu tổng quát phát triển bền vững ở nước ta là *"đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hoá, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hoà giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lí và hài hoà được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường"*; tám nguyên tắc phát triển bền vững là: Coi con người là trung tâm của phát triển, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường phải được coi là yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển, quá trình phát triển phải bảo đảm đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thế hệ hiện tại và không gây trở ngại tới cuộc sống của các thế hệ tương lai, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thúc đẩy phát triển nhanh, mạnh và bền vững đất nước, phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương; của các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mọi người dân, gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển bền vững đất nước, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; ba lĩnh vực hoạt động cần ưu tiên trong phát triển bền vững là kinh tế, xã hội, tài nguyên - môi trường.

Tuy nhiên, việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về

phát triển bền vững chưa nghiêm chỉnh và thống nhất dẫn đến tình trạng vẫn còn nhiều hộ nghèo, tệ nạn xã hội gia tăng, bất công bằng xã hội chưa được giải quyết, môi trường bị ô nhiễm nặng nề, tài nguyên bị suy thoái và kiệt quệ nghiêm trọng, hạn hán, lũ lụt, sụt lún đất, đá, thay đổi khí hậu và thời tiết bất thường, dịch bệnh gia tăng... Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đứng thứ hai trên thế giới (sau Trung Quốc), đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể từ khi đổi mới (năm 1986) đến nay nhưng chúng ta đang đứng trước nhiều nguy cơ, thách thức mà nếu không có giải pháp kịp thời, cứng rắn, đồng bộ, toàn diện thì sự phát triển đất nước chắc chắn sẽ không thể bền vững, ổn định được. Trong Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2007 và nhiệm vụ năm 2008 tại kì họp thứ hai, Quốc hội khoá XII, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã nhận định về kinh tế, xã hội và môi trường như sau: *"Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm và của cả nền kinh tế tuy đã có bước tiến bộ nhưng vẫn còn thấp; hiệu quả đầu tư còn kém, chi phí sản xuất còn cao; sản xuất và cung ứng điện chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển; công nghiệp gia công vẫn chiếm tỉ trọng lớn, công nghiệp phụ trợ chưa có tiến bộ rõ nét. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm"; "nhiều vấn đề xã hội bức xúc khắc phục còn chậm"; "công tác bảo vệ môi trường còn nhiều yếu kém. Kinh tế tăng trưởng cùng với quá trình đô thị hoá và dân số tăng nhanh đã làm gia tăng ô nhiễm và gây áp lực lớn đối với môi trường sống. Nhiều hệ thống sông, như sông Sài Gòn, Đồng Nai, Thị Vải, sông Cầu, sông Nhuệ, sông Đáy... bị ô nhiễm nghiêm trọng; nhiều khu công nghiệp xây dựng trước đây với*

công nghệ và máy móc lạc hậu, nhiều vùng khai thác khoáng sản, làng nghề thủ công và khu đô thị bị ô nhiễm nặng, đang ở mức báo động đỏ. Nhiều nơi, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ vẫn tiếp tục bị chặt phá".⁽¹¹⁾ Một điều đáng lưu ý là Việt Nam là một trong những quốc gia sẽ chịu những hậu quả nặng nề nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu. Theo nghiên cứu của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) thì thành phố Hồ Chí Minh nằm trong danh sách những thành phố bị đe dọa nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu (ngoài ra còn Calcutta và Bombay của Ấn Độ, Dacca của Bangladesh, Thượng Hải, Quảng Châu của Trung Quốc, Bangkok của Thái Lan và Yangon của Myanma). Báo cáo về phát triển con người năm 2007 - 2008 của Chương trình phát triển Liên hợp quốc - UNDP cho hay, nếu nhiệt độ trên trái đất tăng thêm 2 độ C thì 22 triệu người ở Việt Nam sẽ bị mất nhà ở và 45% diện tích đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ ngập chìm trong nước biển (biển lầy đất). Theo các nghiên cứu gần đây của các nhà khoa học, bão, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn đang xảy ra thường xuyên hơn và khó dự đoán; khí hậu Việt Nam đã nóng lên 0,1 - 0,2 độ C trong hơn 10 năm qua; mực nước biển cũng đã dâng cao hơn; thời điểm mưa đã thay đổi, mùa khô kéo dài hơn, mùa mưa nhiều mưa hơn;...⁽¹²⁾ Vào tháng 1/2005, diễn đàn kinh tế thế giới họp tại Davos (Thụy Sĩ) công bố báo cáo hàng năm về chỉ số về tính bền vững môi trường. Theo Báo cáo này, xét về độ an toàn của môi trường, Việt Nam cùng với Philippine đứng cuối bảng trong số 8 nước ASEAN và xếp thứ 88 trong 117 nước đang phát triển.⁽¹³⁾

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực

trạng trên mà một trong những nguyên nhân chính là chưa có sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động về việc kết hợp chặt chẽ, thống nhất, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ xã hội với bảo vệ, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường - vốn vừa là một yêu cầu cơ bản, một nguyên tắc quan trọng, vừa là động lực, mục tiêu, kết quả trong các chính sách và pháp luật phát triển kinh tế - xã hội và trong tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật đó. Tình hình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển bền vững như trên và yêu cầu, nhiệm vụ tiếp tục phát triển đất nước bền vững mà Đảng, Nhà nước đề ra, đã và đang tác động mạnh mẽ tới tâm tư, tình cảm và thái độ của các nhà khoa học pháp lí nước ta, suy nghĩ và hành động như thế nào để góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

3. Trong thời gian qua ở nước ta, nội dung của pháp luật về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường, an ninh, quốc phòng, đối ngoại chưa chứa đựng yếu tố phát triển bền vững, tức là chưa có sự kết hợp chặt chẽ, thống nhất, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Nhìn chung, những văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế còn thiên về tăng trưởng nhanh kinh tế mà ít chú ý tới vấn đề tiến bộ xã hội và chưa quan tâm đầy đủ, đúng mức đến tính bền vững khi khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; các văn bản quy phạm pháp luật về chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại cũng chủ yếu thiên về ổn định xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường phòng thủ đất nước,

mở rộng quan hệ đối ngoại về chính trị chứ chưa thật sự chú trọng tới yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo vệ, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường; các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường lại chú trọng việc giải quyết các sự cố môi trường, phục hồi suy thoái môi trường mà chưa định hướng phát triển lâu dài nhằm đáp ứng những nhu cầu tương lai của xã hội, đặc biệt còn ít quan tâm tới việc kích thích, thúc đẩy sự phát triển kinh tế và làm lành mạnh môi trường xã hội, tiến bộ xã hội. Bởi thiếu yếu tố phát triển bền vững trong nội dung, cho nên nhìn chung pháp luật nước ta hiện nay vẫn chưa đảm bảo được tính toàn diện, tính đồng bộ, tính khoa học, tính thực tiễn và tính bền vững, dẫn đến khó khăn và nhiều bất cập trong thực hiện trên thực tế.

Những khiếm khuyết nêu trên trong nội dung của pháp luật nước ta hiện nay xét trên phương diện đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững, đã và đang đặt ra yêu cầu và nhiệm vụ không chỉ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trực tiếp xây dựng pháp luật mà còn cho cả giới khoa học nước nhà, trước hết và đặc biệt là giới khoa học pháp lý.

4. Hoạt động xây dựng pháp luật ở nước ta từ trước tới nay, xét từ góc độ đảm bảo kết hợp chặt chẽ, thống nhất, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ xã hội với bảo vệ, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường, cũng còn nhiều bất cập. Sự bất cập đó được thể hiện ở chỗ: Trong nhận thức còn chưa coi đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững vừa là yêu cầu cơ bản, nguyên tắc quan trọng, vừa là động lực, nguồn lực, mục tiêu và kết quả của hoạt động xây dựng pháp luật của nước ta trong thời kì đổi mới, phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế; chưa

lồng ghép được yếu tố phát triển bền vững trong tất cả các giai đoạn (công đoạn, khâu) của quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, nhất là những văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ ban hành, từ giai đoạn lập chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, thẩm định, thẩm tra đến thảo luận và thông qua văn bản quy phạm pháp luật. Tình hình đó đang làm cho hoạt động xây dựng pháp luật không đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của nước ta và thế giới về hệ thống pháp luật phát triển bền vững trong thời đại hiện nay. Đây cũng là nguyên nhân cơ bản dẫn tới việc phải nghiên cứu đề xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật ở nước ta hiện nay, đặc biệt là tìm ra được cách thức (phương thức, phương pháp) và cơ chế hữu hiệu nhất cho việc lồng ghép yếu tố phát triển bền vững trong suốt quá trình hoạt động xây dựng pháp luật để khắc phục những hạn chế, thiếu sót về nội dung của pháp luật như đã nêu ở trên. Những hạn chế trong hoạt động xây dựng pháp luật nêu trên, xét từ góc độ đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững, đã và đang đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trực tiếp xây dựng hệ thống các quy phạm pháp luật phải nhanh chóng đổi mới, cải tiến nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện quá trình hoạt động đã được đổi mới, cải tiến đó nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo yếu tố

phát triển bền vững trong từng khâu (giai đoạn, công đoạn) của quá trình hoạt động xây dựng pháp luật. Sự bất cập trong hoạt động xây dựng pháp luật, xét trên phương diện đảm bảo lồng ghép yếu tố phát triển bền vững trong toàn bộ quy trình xây dựng pháp luật, cũng đang đặt ra nhiệm vụ của khoa học pháp lý nước nhà phải làm gì và làm như thế nào để cung cấp kịp thời và đầy đủ những luận cứ khoa học cho việc đổi mới, cải tiến nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện quá trình hoạt động xây dựng pháp luật đã được đổi mới, cải tiến đó nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo yếu tố phát triển bền vững trong từng khâu (giai đoạn, công đoạn) của quá trình hoạt động xây dựng pháp luật.

5. Công tác nghiên cứu khoa học pháp lý để cung cấp những luận cứ khoa học cho việc đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức và đầy đủ, dẫn đến sự chậm trễ trong việc cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước hoạch định đường lối, chính sách, pháp luật về phát triển bền vững, đặc biệt cho Nhà nước trong việc đổi mới, cải tiến nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện quá trình hoạt động xây dựng pháp luật đã được đổi mới, cải tiến đó. Một trong những hạn chế lớn nhất trong nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước về phát triển bền vững và hoạt động xây dựng pháp luật thời gian qua là có nghiên cứu phát triển bền vững nhưng chưa gắn phát triển bền vững với hoạt động xây dựng pháp luật; có nghiên cứu hoạt động xây dựng pháp luật nhưng cũng chưa gắn hoạt động xây dựng

pháp luật với phát triển bền vững. Nhiệm vụ của khoa học pháp lý hiện nay là nghiên cứu phối hợp giữa phát triển bền vững với hoạt động xây dựng pháp luật, trong đó trọng tâm nghiêng về nghiên cứu quá trình hoạt động xây dựng pháp luật gắn với phát triển bền vững, phục vụ cho phát triển bền vững. Nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách liên quan đến việc thực hiện nguyên tắc kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội với bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng pháp luật còn chưa được làm sáng tỏ về mặt khoa học, từ nhận thức khoa học về vấn đề phát triển bền vững, sự cần thiết, nội dung, hình thức, cơ chế, điều kiện bảo đảm của việc lồng ghép yếu tố phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật đến thực tiễn đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật và các giải pháp pháp lý nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật ở nước ta trong điều kiện đổi mới, phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế. Những yếu kém trong nghiên cứu khoa học pháp lý thời gian qua về vấn đề này không những đã

(Xem tiếp trang 40)

(1), (2), (3), (4), (13). Phát triển bền vững ở Việt Nam (sổ tay tuyên truyền) của Văn phòng phát triển bền vững Dự án VIE/01/21, Hà Nội, 2006, tr. 68, 70, 75, 76, 78, 84.

(5), (12). Xem: Báo lao động cuối tuần, số 51 ngày 28 - 30/12/2007.

(6), (8), (9), (10). Xem: Đảng cộng sản Việt Nam, "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 74, 76, 178, 179, 221, 222.

(7). Xem: Đảng cộng sản Việt Nam, "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 162.

(11). Xem: Báo nhân dân, ngày 23/10/2007.

những quan điểm xây dựng văn bản từ trước hoặc chỉ thuần túy là phản ứng tự bảo vệ mà cơ quan này đôi khi khó hoặc không muốn thừa nhận sự khiếm khuyết của văn bản, đặc biệt là những khiếm khuyết được tạo ra ngay trong quá trình xây dựng văn bản. Do vậy, cần có thêm cơ quan khác có cái nhìn khách quan hơn đối với văn bản pháp luật đồng thời có chức năng chuyên trách trong việc đánh giá văn bản, chẳng hạn Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ tư pháp hiện nay. Tuy nhiên, cơ quan này không chỉ dừng lại ở hoạt động kiểm tra tính hợp pháp mà nên kiểm tra cả tính hợp lý của văn bản quy phạm. Để giảm bớt áp lực cho cơ quan này cũng như bảo đảm tính kịp thời trong việc phát hiện, xử lý văn bản, ở địa phương cần có cơ quan có chức năng tương tự Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật. Đó có thể là chi cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trực thuộc Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đặt ở tỉnh hoặc cơ quan trực thuộc sở tư pháp tỉnh.

Song song với việc đề cao trách nhiệm của cơ quan ban hành văn bản, kiện toàn và tăng thẩm quyền của cơ quan kiểm tra độc lập, hoạt động rà soát, hệ thống hóa pháp luật cần được tiến hành thường xuyên. Pháp luật cần quy định những khoảng thời gian xác định để định kỳ rà soát, hệ thống hóa pháp luật vì rà soát, hệ thống hóa pháp luật là hoạt động có nhiều khả năng phát hiện văn bản pháp luật khiếm khuyết, trong đó có văn bản bất hợp lý.

Tất cả những vấn đề nói trên được thực hiện đồng thời, chú trọng đúng mức, kết hợp với cơ chế tiếp nhận và xử lý ý kiến của cá nhân, tổ chức đối với văn bản bất hợp lý sẽ tạo nên cơ chế phát hiện, xử lý văn bản quy phạm đồng bộ, hiệu quả./.

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ ... (tiếp theo trang 13)

gây khó khăn, lúng túng cho việc đổi mới, cải tiến nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện quá trình hoạt động xây dựng pháp luật đã được đổi mới, cải tiến đó trước yêu cầu đảm bảo yếu tố phát triển bền vững trong từng khâu (giai đoạn, công đoạn) của quá trình hoạt động xây dựng pháp luật, mà còn góp phần tạo nên sự trì trệ, thiếu tính nhạy bén, tính năng động và tính hiện đại của khoa học pháp lý trước xu thế phát triển bền vững của thế giới và của Việt Nam.

Những hạn chế trong nghiên cứu khoa học pháp lý trước yêu cầu phát triển bền vững của đất nước đã và đang đặt ra nhiệm vụ cho các nhà khoa học pháp lý phải nghiên cứu một cách sâu sắc, đầy đủ, toàn diện tất cả những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động xây dựng pháp luật trước yêu cầu đảm bảo yếu tố phát triển bền vững trong toàn bộ quá trình xây dựng pháp luật nhằm tạo ra hệ thống pháp luật thật sự toàn diện, đồng bộ, khoa học, thực tiễn, bền vững phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của nước ta trong điều kiện đổi mới, phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế. Việc nghiên cứu này cũng sẽ là hành động tích cực góp phần vào việc cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng ta xây dựng chủ thuyết phát triển Việt Nam trong thế kỉ XXI và tương lai.

Từ những điều trình bày ở trên có thể khẳng định rằng nghiên cứu vấn đề đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật ở nước ta hiện nay là việc làm thực sự mang tính cấp thiết, vừa có ý nghĩa lý luận sâu sắc, vừa có giá trị thực tiễn to lớn./.